

PROJECT 1

Task 1: tạo 1 layout mới tên là Personalize mà nó có khung hình ở bên trái và khung chữ ở bên phải. Giữ các khung này ở chế độ mặc định, kích cỡ và vị trí của nó ko liên quan.

HD: View ☐ Slide Master ☐ Insert Layout ...

Task 2: sắp xếp các tấm hình trên slide 2 theo kiểu căn giữa center.

HD: chọn các tấm hình (nhớ bấm Ctrl) ☐ Format ☐ Align Center.

Task 3: sắp xếp lại hiệu ứng động animations của những tấm hình trên slide 2 sao cho chúng xuất hiện từng cái một từ trên xuống dưới.

HD: chọn các tấm hình ☐ Animation ☐ Animation Pane ☐ chọn từ hiệu ứng động cuối cùng ☐ chọn Start After Previous

Task 4: trong slide 3 thay đổi màu của biểu tượng xe hơi thành màu xanh blue và viền outline màu vàng.

HD: chọn biểu tượng xe hơi ☐ Format ☐ WordArt Styles ... (biểu tượng symbol là 1 kí tự nên ko chọn Shape Styles)

Task 5: trong slides 3, thêm hiệu ứng động animate cho biểu tượng xe hơi để nó bay từ bên phải (Fly from the right).

HD: chọn biểu tượng xe hơi, vào Animations chọn Fly in và Effect Options chọn From Right.

Task 6: hãy lưu bài trình chiếu này vào thư mục Documents với tiêu đề “Presentation” ở dạng PDF.

HD: chọn File ☐ Save As ☐ chọn đúng thư mục cần lưu ☐ File name: Presentation, Save as Type: PDF. Không tick chọn Open file after Publishing

Task 7: cấu hình lại việc in để chỉ in phần “Introduction”.

HD: File ☐ Print ☐ Settings chọn Introduction chỗ Section.

PROJECT 2

Task 1: thay đổi kích thước của slide với độ rộng 8 inch, chiều cao 11 inch. Giữ nội dung vừa vặn scale content to ensure fit.

HD: Design ☐ Slide Size ☐ Custom Slide Size...

Task 2: tạo 1 custom slide Show tên là “Evaluation” gồm các slide 1, 2, 3, 4, 5, 7, 8, 9.

HD: Slide Show ☐ Custom Slide Show ☐ chọn các slide theo yêu cầu và đặt tên.

Task 3: chỉ nhúng font cho các kí tự trong bài trình chiếu này. Lưu bài trình chiếu.

HD: File ☐ Options ☐ Save ☐ Embed fonts in the file...

Task 4: trong slide 4, cài đặt audio clip sao cho nó tự động chạy autoplay, ẩn biểu tượng của nó khi trình chiếu.

HD: chọn biểu tượng loa ☐ Playback ☐ Start: automatically và Hide during show

Task 5: trong slide 7, áp dụng kiểu style Rounded Diagonal Corner, White và hiệu ứng nghệ thuật art effect the Plastic Wrap cho tấm ảnh.

HD: chọn tấm ảnh, Format ☐ Picture Styles... ☐ Artistic effects ...

PROJECT 3

Task 1: trong slide 2, di chuyển đối tượng “Savory delights” to the background.

Hoặc trong slide 2, send to back đối tượng “Savory delights”.

HD: chọn đối tượng “Savory delights”, Format ☐ Send Backward ☐ Send to back.

Task 2: thiết lập hiệu ứng chuyển trang From Bottom cho tất cả slide.

HD: Transitions ☐ Effect Options chọn From Bottom rồi chọn Apply to All.

Task 3: trong slide 10, áp dụng kiểu WordArt Pattern Fill – Dark Purple, Text 2, Dark Upward Diagonal, Hard Shadow – Text 2 cho chữ “Savory Delights”.

HD: chọn chữ “Savory Delights” ☐ Format ☐ WordArt Styles chọn đúng kiểu đề yêu cầu.

Task 4: di chuyển slide “Caramelles Pecans” để chèn nó vào giữa slides “Moka espresso” và “Wonderful wedding”.

HD: nhấp chuột trái tại slide “Caramelles Pecans” kéo thả vào đúng vị trí

PROJECT 4

Task 1: tại cuối bài trình chiếu, hãy thêm các slide mới từ outline của file word tên là rest.docx

HD: chọn slide cuối, Home chọn new slide ☐ Slides from outline...

Task 2: chỉnh sửa biểu đồ trên slide 7 thành kiểu 3D Area chart.

HD: chọn biểu đồ, Design ☐ Change Chart Type...

Task 3: ẩn các bình luận comments của bài trình chiếu.

HD: Review ☐ Show Comments ☐ tắt Show Markup.

Task 4: áp dụng the Medium Style 2 – Accent 3 style cho bảng ở slide 6. Thay đổi đề kiểu xen kẽ (alternating) màu theo cột chứ không theo dòng.

HD: chọn bảng ☐ Design ☐ Table Styles chọn đúng kiểu ☐ tắt Banded Rows, chọn Banded Columns ở góc trên bên trái của thẻ Design.

PROJECT 5

Task 1: cuối của bài trình chiếu, thêm các slide mới từ file last part.docx trong thư mục Documents.

HD: chọn slide cuối, new slides ☐ slides from outline ☐ chọn đúng tên file.

Task 2: chỉnh sửa Handout Master sao cho chân trang bên trái (the left footer) chứa từ “Draft”.

HD: View ☐ Handout Master ☐ gõ chữ Draft vào chân trang bên trái ☐ Close Master View.

Task 3: trong slide 8, áp dụng kiểu style the Moderate Effect – Blue, Accent 1 cho hình đám mây.

HD: chọn đám mây ☐ Format ☐ Shape Styles...

Task 4: trong slide 9, xoá cột có tiêu đề “For the initiate”. Thêm 2 dòng trống giữa “Willy’s Snacks” và “It’s all good!”

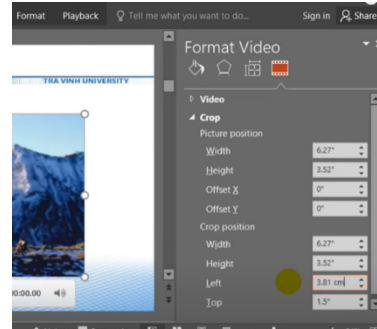
HD: Để xoá cột: chọn cột cần xoá ☐ Layout ☐ Delete Columns. Để chèn dòng: Layout ☐ Insert Above hoặc Insert Below

Task 5: thiết lập khoảng thời gian (duration) chuyển trang giữa tất cả các slide là 3 giây và âm thanh là [No sound]

HD: thẻ Transitions ☐ Duration: 3, Sound: No Sound ☐ Apply to All.

PROJECT 6

Task 1: trong slide 4, cắt video sao cho vùng hiển thị bắt đầu từ 3.81 cm từ lề trái.



HD: chọn video trong slide 4, Format ☐ bấm xổ nhóm lệnh size ☐

Task 2: trong slide 5, áp dụng sự chuyển động thành hình tròn (the circle movement) cho hình ngôi sao 24 cánh.

HD: chọn hình ngôi sao 24 cánh ☐ animations ☐ more motion paths ☐ circle ☐ ok.

Task 3: thêm 1 khung (placeholder) media cho layout the Full Screen Media, vị trí của nó dưới “The title placeholder”. Căn lề trái và phải trùng với lề của khung tiêu đề.

HD: vào view ☐ Slide Master ☐ tìm slide tên the Full Screen Media, Insert Placeholder ☐ Media, vẽ khung, căn chỉnh trùng với lề trái lề phải của khung tiêu đề.

Task 4: nhân đôi slide 12.

HD: chọn slide 12 ☐ Duplicate Slide

Task 5: trong slide 7, chuyển danh sách thành dạng SmartArt Vertical List với tám ảnh (Vertical Picture List).

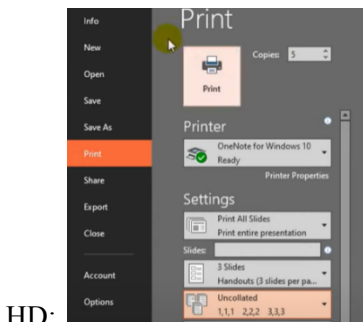
HD: chọn danh sách ☐ thẻ Home ☐ nhóm Paragraph ☐ Convert to SmartArt...

PROJECT 7

Task 1: xoá slide 8 có tiêu đề “Growth by country”.

HD: chọn slide 8 ☐ Delete trên bàn phím.

Task 2: cấu hình các lựa chọn in sao cho in 5 bản của bài trình chiếu này với 3 slides trên 1 trang. Tất cả các bản copy của trang 1 được in trước trang 2.



HD: **Task 3:** trong slide 3, căn lề đoạn text “You mean coffee is that it?” đứng đầu (on the top) của hộp text box và áp dụng hiệu ứng Small Caps.

HD: chọn đoạn text ☐ thẻ Home ☐ nhóm Paragraph ☐ Align Text ☐ Top; bấm xổ hộp thoại Font ☐ Small Caps.

Task 4: trong slide 3, gom nhóm (group) tất cả các tấm hình.

HD: thẻ Home ☐ Select ☐ Selection Pane... ☐ chọn đồng thời 5 picture ☐ Format ☐ Group.

Task 5: thay đổi biểu đồ trên slide 7 thành kiểu Style 13 và thay đổi màu thành Color 7 (Monochrome palette 7)

HD: chọn biểu đồ □ Design □ Chart Styles □ Style 13; chọn Change Colors □ chọn đúng màu.

Project 8

Task 1: Tạo bố cục slide mới có tên **“School”** với phần chỗ hình ảnh ở bên trái và phần chỗ văn bản ở bên phải. Giữ tất cả các phần giữ chỗ mặc định. Vị trí kích thước của phần giữ chỗ mới không quan trọng.

Task 2: Sắp xếp các hình ảnh trên slide 5 sao cho các hình ảnh được căn chỉnh theo kiểu giữa (middles).

Task 3: Sắp xếp Animation của các hình ảnh trên slide 5 sao cho chúng xuất hiện (**Fade in**) từng cái một từ trái sang phải (**Left to Right**).

Task 4: Trên slide 3, tạo hiệu ứng cho **mũi tên** để có thể bay từ, phải qua

Task 5: Lưu bài thuyết trình vào thư mục ThuducMOS Templates dưới dạng file FDF có tên **Presentation**.

Task 6: Định cấu hình bản trình bày chỉ in phần **Detail**

Task 7: Trên slide 4, thay đổi hình Đám mây thành hình Trái tim.

Project 9

Task 1: Thay đổi kích thước của bản trình bày thành rộng 8” (20,32 cm) và cao 11” (27,94 cm). Đảm bảo rằng nội dung phù hợp với nó.

Task 2: Tạo trình chiếu tùy chỉnh có tên **OnlyShow** và chỉ bao gồm Slide 2, 3 và 5

Task 3: Chỉ nhúng phông chữ cho các ký tự được sử dụng trong bản trình bày này. Lưu bài thuyết trình.

Task 4: Trên trang chiếu 3, nhóm ảnh và tiêu đề của nó.

Task 5: Trên trang trình bày 2, định cấu hình clip âm thanh để nó phát tự động. Ẩn biểu tượng trong khi hiển thị.

Task 6: Trên slide 6, áp dụng **Snip Diagonal Corner, White style** và **the Pastel Smooth** hiệu ứng cho hình ảnh.

Task 7: Thêm một phần có tên **Focus** trước slide 4.

Task 8: Kiểm tra và xóa các chú thích (annotations) cũng như nội dung ngoài trang (Off-slide content) trình bày được tìm thấy.

Project 10

Task 1: Trên slide cuối cùng, áp dụng hiệu ứng **Bevel Angle** đến bức tranh

Task 2: Thêm một slide mới giữa các slide 3 và 4 từ **Branding.docx** nằm ở folder

Task 3: Áp dụng **PicLayout** bố cục cho trang trình bày thứ tám

Task 4: Trên slide 7, di chuyển hình ảnh **McDonalds** ra phía trước.

Task 5: Trên slide 2 dưới tiêu đề **Food Marketing Facts** thay đổi định dạng của danh sách thành danh sách hai cột.

Task 6: Đặt hiệu ứng Chuyển tiếp từ trái sang toàn bộ slide.

Task 7: Trên slide 1, áp dụng kiểu WordArt **Pattern Fill – Dark Green, Accent 1,50%, Hard Shadow – Accent 1** cho văn bản **The Art and Science of Junk-Food Marketing**.

Task 8: Di chuyển **Why Brand?** Slide vào giữa **Title** và **Food Marketing Facts** slides

Project 11

Task 1: Phần cuối bài thuyết trình, thêm các slide từ dàn ý **Strategic.docx**

Task 2: Trên slide 2, tạo Hyperlink cho câu **More information** để truy cập nhanh vào trang web <https://www.pepsico.com>

Task 3: Ấn nhận xét trong bản trình bày.

Task 4: Áp dụng **Medium Style 3 – Accent 4** vào bảng trên slide 4. Sửa đổi bảng sao cho các cột và hàng không phân biệt màu (không có màu xen kẽ).

Task 5: Thay đổi biểu đồ trên slide 5 thành biểu đồ **3-D Clustered Column**.

Task 6: Trên slide 6, tạo hiệu ứng cho mỗi đoạn văn bản theo kiểu **Wipe**, từ trái sang phải (**from left**) sau khi nhấp chuột.

Project 12

Task 1: Thay đổi **Handout Master** để chân trang bên trái chứa văn bản **“BT Sport”**.

Task 2: Trên slide 7, áp dụng **Moderate Effect-Red, Accent 2** cho hình Đám mây.

Task 3: Trên slide 4, xóa cột có tiêu đề **000’s**. Thêm hai hàng trống giữa **MOTOGP** và **UEFA EUROPA LEAGUE**.

Task 4: Đặt thời lượng của tất cả các chuyển tiếp trang chiếu thành 3 giây và âm thanh thành **[No sound]**.

Task 5: Trên trang trình bày cuối cùng, thêm một **Pyramid List** biểu đồ thông minh. Nhập văn bản từ trên xuống dưới **BT SPORT EUROPE HD, BT SPORT 1 HD, BT SPORT 2 HD and ESPN BT HD**. Áp dụng phong cách **Cartoon**

Task 6: Cấu hình bản trình bày in **Note Pages** cho tất cả các slide.

Task 7: Cấu hình video trên slide 6 để bắt đầu tại **00:00.200** và kết thúc tại **00:00.800**

Project 13

Task 1: Trên trang trình bày 6, Cắt video sao cho vùng hiển thị là 2”(5,08 cm) tạo thành lề trái và cũng cắt chiều rộng thành 3,5”(8,89 cm).

Task 2: Trên slide cuối cùng, áp dụng chuyển động **Circle** cho **Wave**

Task 3: Thêm trình giữ chỗ Phương tiện vào bố cục Phương tiện. Đặt nó bên dưới phần giữ chỗ tiêu đề. Căn chỉnh lề trái và lề phải với lề của phần giữ chỗ tiêu đề.

Task 4: Sao chép slide 11

Task 5: Trên slide 11, chuyển đổi danh sách thành **Vertical Picture Accent List** biểu đồ thông minh

Task 6: Áp dụng chủ đề **Office** và **Arial** phông chữ cho **Slide Master**.

Task 6: Sửa đổi kiểu dấu đầu dòng của cấp độ đầu tiên trong nội dung **Slide Master** bằng cách sử dụng **Check.jpg**

Project 14

Task 1: Xóa trang 8.

Task 2: Định cấu hình các tùy chọn in để **Print 5 copies** của bài thuyết trình với 3 slide mỗi trang. Tất cả các bản sao của trang đầu tiên phải được in trước trang thứ hai.

Task 3: Trên slide 8, căn chỉnh **text Exercise is Medicine... should take it!** Để **Top** của hộp văn bản và áp dụng hiệu ứng **Small caps**

Task 4: Trên trang cuối cùng, Nhóm tất cả các hình ảnh.

Task 5: Chèn lời bình, Cập nhật vào biểu đồ trên slide 6.

Task 6: Thêm chân trang chứa văn bản **EIM** chỉ trên slide 10

Task 7: Trên slide 9, chèn video “**EIM.MP4**”, nằm trong thư mục. Định vị video3” (7,62 cm). Từ góc trên cùng bên trái, theo chiều dọc và chiều ngang.